

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	QUÍ III/2025	T01-09/2025
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	11.073.240.059	33.583.586.389
	Lãi cho vay	10.195.136.000	32.439.966.000
	Lãi từ tiền gửi ngân hàng	878.104.059	1.143.620.389
2	Tổng Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	2.151.282.679	7.368.373.500
	Chi phí lãi tiền gửi tiết kiệm	200.694.600	690.114.900
	Chi phí lãi vốn vay	49.195.215	120.123.523
	Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	1.901.392.864	6.558.135.077
I	Thu nhập lãi thuần (1)-(2)	8.921.957.380	26.215.212.889
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	-	-
4	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	11.779.500	42.167.304
II.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (3)-(4)	(11.779.500)	(42.167.304)
III.	Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	-	-
IV.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-
V.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	-
5	Thu nhập từ hoạt động khác	8.213.701	17.013.716
6	Chi phí từ hoạt động khác	-	27.420.000
VI.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác (5)-(6)	8.213.701	(10.406.284)
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-
VIII.	Chi phí hoạt động	4.799.374.543	14.879.954.709
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (I)+(II)+(III)+(IV)+(V)+(VI)+(VII)-(VIII)	4.119.017.038	11.282.684.592
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(414.885.918)	(718.637.203)
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế (IX)-(X)	4.533.902.956	12.001.321.795
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
XII.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
XIII.	Lợi nhuận sau thuế (XI)-(XII)	4.533.902.956	12.001.321.795
XIV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

Ngày 30 tháng 09 năm 2025

Người lập bảng
(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Tông Linh

Giám đốc
(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Thanh Thụy

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	TÀI SẢN	QUÍ II/2025	QUÍ III/2025
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	38.313.500	49.370.500
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước	0	0
III.	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	88.586.784.988	172.391.029.643
1	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	88.586.784.988	172.391.029.643
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
3	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		
IV.	Chứng khoán kinh doanh	0	0
1	Chứng khoán kinh doanh		
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		
V.	Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	0	0
VI.	Cho vay khách hàng	238.407.070.906	145.998.717.724
1	Cho vay khách hàng	240.402.386.900	147.571.781.000
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	-1.995.315.994	-1.573.063.276
VII.	Chứng khoán đầu tư	0	0
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		
VIII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	0	0
1	Đầu tư vào công ty con		
2	Góp vốn liên doanh		
3	Đầu tư vào công ty liên kết		
4	Đầu tư dài hạn khác		
IX.	Tài sản cố định	532.008	0
1	Tài sản cố định hữu hình	532.008	0
a	- Nguyên giá tài sản cố định	506.137.100	506.137.100
b	- Hao mòn tài sản cố định	-505.605.092	-506.137.100
2	Tài sản cố định vô hình	0	0
a	- Nguyên giá tài sản cố định	304.000.000	304.000.000
b	- Hao mòn tài sản cố định	-304.000.000	-304.000.000
X.	Tài sản có khác	1.086.895.221	202.495.312
1	Các khoản phải thu	884.395.221	37.495.312
2	Các khoản lãi, phí phải thu	0	0
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		0
4	Tài sản có khác	202.500.000	165.000.000
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bằng khác		0
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	328.119.596.623	318.641.613.179

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)			
	NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	QUÍ II/2025	QUÍ III/2025
I.	Các khoản nợ chính phủ và NHNN	0	0
II.	Tiền gửi - vay các TCTD và các tổ chức khác	0	0
1	Tiền gửi của các TCTD khác		
2	Vay các TCTD khác	0	0
III.	Tiền gửi của khách hàng	71.371.869.500	55.353.407.600
IV.	Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0
V.	Vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	36.472.449.766	36.472.449.766
VI.	Phát hành giấy tờ có giá	0	0
VII.	Các khoản nợ khác	1.824.123.912	3.830.699.412
1	Các khoản lãi, phí phải trả	574.730.766	662.642.581
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	1.249.393.146	3.168.056.831
	Cộng nợ phải trả	109.668.443.178	95.656.556.778
VIII.	Vốn và các quỹ	218.451.153.445	222.985.056.401
1	Vốn của tổ chức tín dụng	210.983.734.606	210.983.734.606
	Vốn điều lệ	6.204.398.851	6.204.398.851
	Vốn khác	204.779.335.755	204.779.335.755
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	0	0
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
5	Lợi nhuận chưa phân phối	7.467.418.839	12.001.321.795
	a. Năm trước	0	0
	b. Năm nay	7.467.418.839	12.001.321.795
	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	328.119.596.623	318.641.613.179

Ngày 30 tháng 09 năm 2025

Người lập bảng

(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Tông Linh

Giám đốc

(Ký, ghi họ tên)



Trần Thị Thanh Thụy

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

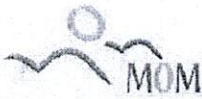
Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	QUÍ III/2025	T01-09/2025
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	4.533.902.956	12.001.321.795
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
02	Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	532.008	6.352.842
03	Dự phòng rủi ro tín dụng, giảm giá, đầu tư tăng thêm/ (hoàn nhập) trong năm	(414.885.918)	(718.637.203)
04	Lãi và phí phải thu trong kỳ/(thực tế chưa thu)	-	-
05	Lãi và phí phải trả trong kỳ/(thực tế chưa trả)	662.642.581	662.642.581
06	(Lãi)/ lỗ do thanh lý tài sản cố định	-	-
07	(Lãi)/ lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
08	(Lãi)/ lỗ do thanh lý các khoản đầu tư/ góp vốn vào dài hạn vào đơn vị khác, lãi, cổ tức nhận được, lợi nhuận được chia từ HĐ đầu tư, góp vốn dài hạn	-	-
09	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
10	Các điều chỉnh khác		
	Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	4.782.191.627	11.951.680.015
	Những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	-	-
	<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>	-	-
11	(Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác	-	-
12	(Tăng)/Giảm các khoản kinh doanh chứng khoán	-	-
13	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-
14	(Tăng)/Giảm cho vay đối với khách hàng	92.830.605.900	176.335.091.500
15	(Tăng)/Giảm lãi, phí phải thu	-	2.102.298.128
16	(Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản	(7.366.800)	(50.292.200)
17	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	884.399.909	3.830.323.792
	<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>	-	-
18	Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	-	-
19	Tăng/(Giảm) tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng	-	-
20	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng	(16.018.461.900)	(31.595.381.600)
21	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-
22	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ ủy thác, đầu tư, và cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	(6.046.889.288)
23	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)	-	-
24	Tăng/(Giảm) lãi, phí phải trả	(574.730.766)	(276.542.936)
25	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	1.918.663.685	(4.056.183.594)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp	83.815.301.655	152.194.103.817
26	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-
27	Chi từ các Quỹ của TCTD	-	-
	I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	83.815.301.655	152.194.103.817

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Tiếp theo)			
Mã số	CHỈ TIÊU	QUÍ III/2025	T01-09/2025
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1	Mua sắm tài sản cố định	-	-
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
3	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
4	Mua sắm bất động sản đầu tư	-	-
5	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
6	Tiền chi từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
7	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác)	-	-
8	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác)	-	-
9	Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	-	-
	II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-	-
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1	Tăng (Giảm) vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/ hoặc phát hành cổ phiếu		
2	Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác	-	-
3	Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác	-	-
III	III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	-
IV	IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	83.815.301.655	152.194.103.817
V	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	88.625.098.488	20.246.296.326
VI	VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		
VII	VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	172.440.400.143	172.440.400.143

Ngày 30 tháng 09 năm 2025

Người lập bảng

(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Tông Linh

Giám đốc

(Ký, ghi họ tên)

**Trần Thị Thanh Thụy**